



Tạp chí

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X



Số 1 (80)

2023

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X

■ **Tổng Biên tập**

TS. Đỗ Văn Đĩnh

■ **Phó Tổng biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

■ **Thư ký Tòa soạn**

TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

NGND.TS. Đinh Văn Nhung - Chủ tịch Hội đồng

GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến

PGS.TSKH. Trần Hoài Linh

PGS.TS. Nguyễn Quốc Cường

PGS.TS. Nguyễn Văn Liễu

GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Trần Văn Địch

GS.TS. Phạm Minh Tuấn

PGS.TS. Lê Văn Học

PGS.TS. Nguyễn Doãn Ý

GS.TS. Đinh Văn Sơn

PGS.TS. Trần Thị Hà

PGS.TS. Trương Thị Thủy

TS. Vũ Quang Thập

PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

GS.TS. Đỗ Quang Khang

TS. Bùi Văn Ngọc

PGS.TS. Ngô Sỹ Lương

PGS.TS. Khuất Văn Ninh

GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải

PGS.TS. Nguyễn Văn Độ

PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

■ **Ban Biên tập**

ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Trưởng ban

ThS. Đào Thị Vân

■ **Editor-in-Chief**

Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**

Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

Poeple's Teacher, Dr. Dinh Van Nhung - Chairman

Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen

Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Quoc Cuong

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien

Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan

Prof.Dr.Sc. Banh Tien Long

Prof.Dr. Tran Van Dich

Prof.Dr. Pham Minh Tuan

Assoc.Prof.Dr. Le Van Hoc

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Doan Y

Prof.Dr. Dinh Van Son

Assoc.Prof.Dr. Tran Thi Ha

Assoc.Prof.Dr. Truong Thi Thuy

Dr. Vu Quang Thap

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Thi Bat

Prof.Dr. Do Quang Khang

Dr. Bui Van Ngoc

Assoc.Prof.Dr. Ngo Sy Luong

Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh

Prof.Dr.Sc. Pham Hoang Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Do

Assoc.Prof.Dr. Doan Ngoc Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Ngoc Ha

■ **Editorial**

MSc. Doan Thi Thu Hang - Head

MSc. Dao Thi Van

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/>Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

TẠP CHÍ

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TRONG S NÀY

SỐ 1(80) 2023

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- Cảnh báo cháy sớm trong các tòa nhà sử dụng mạng CNN 5 Nguyễn Tiến Dũng
Đặng Khánh Hòa
Nguyễn Việt Hưng
Nguyễn Trọng Các
- Nghiên cứu, ứng dụng Plasma lạnh trong xử lý và bảo quản lạnh quả ổi tươi xuất khẩu 12 Phạm Công Tảo
Đỗ Văn Đĩnh
Lobov Boris Nikolaevich
Vũ Hồng Phong
Lê Ngọc Hòa
Tăng Thị Phụng
- Nghiên cứu thiết kế hệ thống giám sát tự động chăm sóc cây Lan hồ điệp 18 Bùi Đăng Thành
Nguyễn Đăng Khải
Đỗ Văn Đĩnh

NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

- Sử dụng phương pháp toán thống kê đánh giá và dự đoán chất lượng để nâng cao hiệu quả quản lý các chương trình giáo dục chuyên nghiệp 23 Nguyễn Phúc Hậu
Nguyễn Thị Thu

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- Nghiên cứu sự mất ổn định động lực học của xe du lịch trong điều kiện có gió ngang 31 Đỗ Tiến Quyết
- Thiết kế và chế tạo thiết bị cắt kim loại tấm mỏng ứng dụng trong các ngành công nghiệp 36 Ngô Hữu Mạnh
Mạc Thị Nguyên
Lê Hoàng Anh
Trịnh Văn Cường
Nguyễn Hoàng Minh Trí
- Nghiên cứu sự ảnh hưởng các tham số của phương pháp Polynomial Chaos đến sai số Leave-One-Out 43 Cao Huy Giáp
- Nâng cao chất lượng bề mặt bằng phương pháp miết ép dao động 47 Nguyễn Văn Hình
Zaides Siemens Azikovich
Mạc Văn Giang
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Cao Văn Biên

NGÀNH TOÁN HỌC

Luật mạnh số lớn cho dãy các vectơ ngẫu nhiên phụ thuộc đôi một theo khối và phụ thuộc âm theo tọa độ trong không gian Hilbert 52 Nguyễn Thị Hồng
Nguyễn Thị Diệp Huyền

NGÀNH KINH TẾ

Nghiên cứu tác động của Fintech đến thị trường các dịch vụ tài chính Việt Nam 56 Vũ Thị Thanh Thủy

Hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hải Dương: Thực trạng và giải pháp 63 Vũ Thị Lý
Đinh Thị Kim Thiết
Nguyễn Thị Quỳnh
Đoàn Thị Thu Hằng

Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ đáp ứng của đội ngũ cán bộ, công chức tại các phường, xã trên địa bàn thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương 71 Nguyễn Minh Tuấn
Nguyễn Thị Hiền

Nâng cao thu nhập cho người lao động Việt Nam sau đại dịch Covid-19 80 Nguyễn Thị Thủy

LIÊN NGÀNH HÓA HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

Sử dụng *saccharomyces cerevisiae* RV002 để lên men rượu vang từ quả Sim (*Rhodomyrtus tomentosa*) 88 Bùi Văn Tú

LIÊN NGÀNH KHOA HỌC MỎ - TRÁI ĐẤT

Đánh giá tài nguyên du lịch và điều kiện sinh khí hậu cho phát triển loại hình du lịch tham quan tự nhiên khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng 95 Nguyễn Đăng Tiến

NGÀNH GIÁO DỤC

Sử dụng trò chơi ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh tại Trường Đại học Sao Đỏ 103 Vũ Thị Lương
Trịnh Thị Chuyên

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết vấn đề xã hội ở Hải Dương hiện nay 110 Vũ Văn Đông
Phạm Anh Dũng

Tư tưởng của Lênin về nhà nước kiểu mới trong tác phẩm “Nhà nước và cách mạng”, sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay 117 Nguyễn Thị Kim Nguyên
Phạm Văn Dự

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong văn kiện Đại hội XIII về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và sự vận dụng quan điểm đó ở tỉnh Hải Dương 121 Phạm Xuân Đức

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- Early fire alarm and detection in buildings using CNN 5 Tien Dzung Nguyen
Dang Khanh Hoa
Nguyen Viet Hung
Nguyen Trong Cac
- Research and application of cold plasma in processing and cold preservation of fresh export guava 12 Pham Cong Tao
Do Van Dinh
Lobov Boris Nikolaevich
Vu Hong Phong
Le Ngoc Hoa
Tang Thi Phung
- Research and design an automatic monitoring care system for Phalaenopsis Orchid 18 Bui Dang Thanh
Nguyen Dang Khai
Do Van Dinh

TITLE FOR INFORMATION TECHNOLOGY

- Using statistical methods to evaluate and predict quality to improve the management efficiency of professional education programs 23 Nguyen Phuc Hau
Nguyen Thi Thu

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- Study on dynamic instability of sedan in crosswind conditions 31 Do Tien Quyet
- Design and manufacturing of a thin sheet metal cutting equipment for applications industrials 36 Ngo Huu Manh
Mac Thi Nguyen
Le Hoang Anh
Trinh Van Cuong
Nguyen Hoang Minh Tri
- Study on the effects of the parameters of the Polynomial Chaos method on the error of Leave-One-Out 43 Cao Huy Giap
- Improve surface quality by oscillating smoothing method 47 Nguyen Van Hinh
Zaides Siemens Azikovich
Mac Van Giang
Nguyen Thi Hong Nhung
Cao Van Bien

TITLE FOR MATHEMATICS

- Strong law of large numbers for sequences of random vectors that are double-dependent in blocks and negatively dependent on coordinates in Hilbert space 52 Nguyen Thi Hong
Nguyen Thi Diep Huyen

TITLE FOR ECONOMICS

- Studying the impact of Fintech on the Vietnamese financial services market 56 Vu Thi Thanh Thuy
- Accounting information system in small and medium enterprises in Hai Duong province: Current situation and solutions 63 Vu Thi Ly
Dinh Thi Kim Thiet
Nguyen Thi Quynh
Doan Thi Thu Hang
- Factors affecting the responsiveness of cadres and civil servants in wards and communes in Chi Linh city, Hai Duong province 71 Nguyen Minh Tuan
Nguyen Thi Hien
- Increase income for Vietnam workers after the Covid-19 pandemic 80 Nguyen Thi Thuy

TITLE FOR CHEMISTRY AND FOOD TECHNOLOGY

- Application of *saccharomyces cerevisiae* RV002 to ferment wine from Sim fruit (*Rhodomyrtus tomentosa*) 88 Bui Van Tu

TITLE FOR EARTH SCIENCE - MINING

- The assessment of tourism resources and bioclimatic conditions for the development of nature tourism in Quang Ninh - Hai Phong 95 Nguyen Dang Tien

TITLE FOR EDUCATION

- Using language games to improve the quality of training English at Sao Do University 103 Vu Thi Luong
Trinh Thi Chuyen

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

- The relationship between economic development and solving social problems in Hai Duong today 110 Vu Van Dong
Pham Anh Dung
- Lenin's thought on the new type of state in the work "State and revolution", the application of the Communist Party of Vietnam in building the socialist rule of law state in Vietnam today 117 Nguyen Thi Kim Nguyen
Pham Van Du
- The point of view of the Communist Party of Vietnam in the document of the 13th National Congress on promoting Vietnamese cultural values and human strength and the application of that view in Hai Duong province 121 Pham Xuan Duc

Nâng cao thu nhập cho người lao động Việt Nam sau đại dịch Covid-19

Increase income for Vietnam workers after the Covid-19 pandemic

Nguyễn Thị Thùy

Tác giả liên hệ: nguyenthuy1216@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 25/11/2022

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 23/3/2023

Ngày chấp nhận đăng: 31/3/2023

Tóm tắt

Ngày 01/4/2020, Thủ tướng Chính phủ đã công bố đại dịch Covid-19 trên toàn quốc, thực hiện “toàn dân chống dịch”. Nghiên cứu nhằm phân tích những tác động của đại dịch Covid-19 đến đời sống và thu nhập của người lao động, giải quyết bài toán nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống của người lao động (NLĐ) Việt Nam sau đại dịch Covid-19. Kết quả phân tích cho thấy đại dịch Covid-19 có những ảnh hưởng chính đến NLĐ là: mất việc làm, giảm việc làm, thay đổi việc làm và giảm thu nhập của NLĐ. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất các giải pháp ổn định công việc, nâng cao thu nhập của NLĐ, đảm bảo an sinh xã hội và ổn định cuộc sống của NLĐ trong thời gian tới.

Từ khóa: Thu nhập; người lao động; Covid-19.

Abstract

On April 1, 2020, the Prime Minister announced the Covid-19 epidemic nationwide, implementing “all people to fight the epidemic”. The research aims to analyze the impacts of the Covid-19 pandemic on the lives and incomes of workers, solve the problem of raising incomes and improving the quality of life of Vietnamese workers after the pandemic. Covid-19 pandemic. Results of the research show that the Covid-19 pandemic has had the main effects on employees: job loss, job reduction, job change and reduced income of employees. From the research results, the author has proposed solutions to stabilize jobs, improve employees’ incomes, ensure social security and stabilize employees’ lives in the coming time.

Keywords: Income; employees; Covid-19.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại dịch Covid-19 đã gây ra những tác động rất lớn tới doanh nghiệp và NLĐ ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế. Tại Việt Nam, tốc độ tăng trưởng GDP quý I năm 2020 là 3,82%, đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong thập kỷ vừa qua (GSO 2020). Theo Tổng cục Thống kê (TCTK) dự đoán khoảng 5 triệu NLĐ và 84,8% doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Trên 80% doanh nghiệp đã chủ động đưa ra các biện pháp ứng phó với tác động của Covid-19. Biện pháp của DN có thể chia làm 02 nhóm: (i) Các biện pháp liên quan tới lao động và (ii) Tìm kiếm các thị trường/nguồn thu thay thế. Các biện pháp liên quan tới lao động có ảnh hưởng rất lớn tới cuộc sống của NLĐ. Theo đánh giá của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), đối tượng dễ bị tổn thương nhất bởi các tác động kinh tế của đại dịch là NLĐ lớn tuổi, phụ nữ, NLĐ trẻ, NLĐ phi chính thức, NLĐ làm các công việc không ổn định và NLĐ di cư [1].

Những ảnh hưởng chính của đại dịch Covid-19 đến NLĐ là việc làm, đời sống, thu nhập của NLĐ. Nhiều người bị mất việc, không có thu nhập, không có công việc. Những người lao động còn có công việc thì phải chịu chi phí tăng cao, thu nhập sụt giảm...

Sau đại dịch, mặc dù tình hình kinh tế Việt Nam đã dần phục hồi và có nhiều khởi sắc, tình hình của các doanh nghiệp và NLĐ dần ổn định, thu nhập của NLĐ đã tăng dần lên. Nhưng đời sống của NLĐ vẫn còn rất nhiều khó khăn bất cập vì vừa trải qua đại dịch đầy khó khăn, với đồng lương còn ít ỏi, chi phí cho cuộc sống lại tăng không ngừng. Vì vậy, cần có những giải pháp đồng bộ, cùng phối hợp giữa Nhà nước và các doanh nghiệp để giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho NLĐ sau đại dịch Covid-19.

2. THỰC TRẠNG THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

2.1. Những tác động của đại dịch Covid-19 đến tình hình lao động, việc làm và tình hình thị trường lao động sau đại dịch

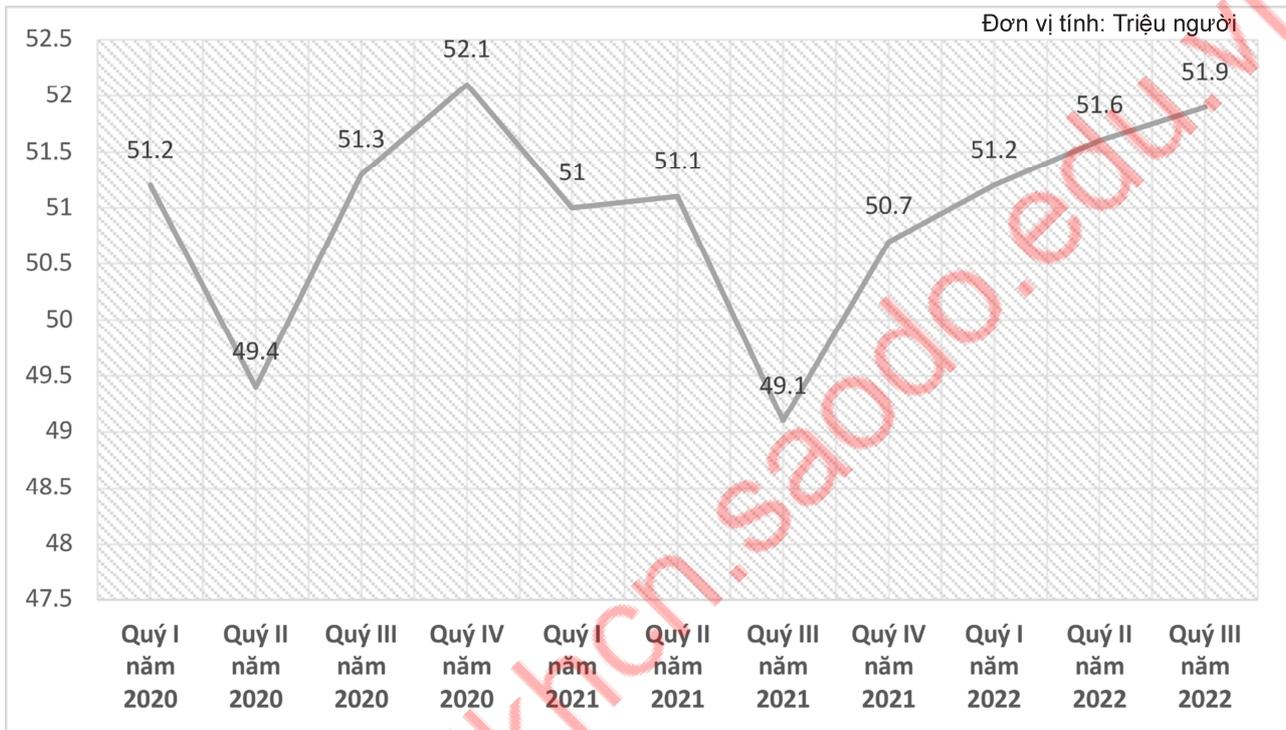
Người phản biện: 1. PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung
2. PGS. TS. Lê Xuân Đình

2.1.1. Lực lượng lao động giảm sút mạnh trong thời gian bùng phát dịch và dần phục hồi sau đại dịch Covid-19

Kể từ khi đại dịch Covid-19 xuất hiện và lây lan ra toàn cầu, Việt Nam đã trải qua 4 đợt bùng phát dịch lớn. Các đợt dịch bùng phát này có ảnh hưởng rất lớn tới thị trường lao động, làm cả cung và cầu lao động đều giảm sút mạnh mẽ, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Các đợt bùng phát dịch mạnh nhất là vào quý II/2020 và quý

III/2021 đã làm số lượng lao động từ 15 tuổi trở lên giảm sút nghiêm trọng còn 49,4 triệu người và 49,1 triệu người.

Đến quý III/2022, bức tranh về thị trường lao động đã có nhiều điểm sáng, lực lượng lao động tăng nhanh và ổn định. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý III/2022 là 51,9 triệu người, tăng hơn 0,2 triệu người so với quý trước và tăng 2,8 triệu người so với cùng kỳ năm 2021 - thời điểm dịch Covid ảnh hưởng nặng nề đối với thị trường lao động trong nước. (Hình 1) [2].



Hình 1. Lực lượng lao động theo quý, giai đoạn 2020 - 2022

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

2.1.2. Người lao động bị thất nghiệp, giảm việc, giảm thu nhập do tác động tiêu cực bởi Covid-19 đang giảm dần sau đại dịch

Trong quý III/2021 và 9 tháng đầu năm 2021, thị trường lao động Việt Nam chịu ảnh hưởng nghiêm trọng do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 lần thứ 4 và thời gian giãn cách xã hội kéo dài. Số người có việc làm giảm đáng kể so với quý II/2021 và cùng kỳ năm 2020; tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm tăng lên mức cao nhất kể từ khi dịch xuất hiện. Đặc biệt, thu nhập bình quân tháng của NLD sụt giảm nghiêm trọng. Cụ thể, quý III/2021, NLD làm việc trong khu vực dịch vụ bị ảnh hưởng về thu nhập nặng nhất, với mức thu nhập bình quân đạt 6,2 triệu đồng/tháng, giảm 13,5% so với quý trước. Lao động khu vực công nghiệp và xây dựng có mức thu nhập bình quân đạt 5,8 triệu đồng/tháng, giảm 13,2% so với quý trước. Thu nhập bình quân của lao động quý III/2021 đạt 5,2 triệu đồng/tháng, giảm 877.000 đồng so với quý trước và giảm 603.000 đồng so với cùng kỳ năm trước [6].

Sang quý I/2022, số lượng lao động chịu ảnh hưởng

của đại dịch Covid-19 đã giảm mạnh so với quý IV/2021. Tuy nhiên, con số này vẫn còn đến 16,9 triệu người (giảm 7,8 triệu người so với quý IV/2021). Trong tổng số hơn 16,9 triệu người bị tác động tiêu cực bởi đại dịch, có 0,9 triệu người bị mất việc, chiếm 1,2%; 5,1 triệu người phải tạm nghỉ/tạm ngừng sản xuất kinh doanh, chiếm 6,7%; 5,7 triệu người bị cắt giảm giờ làm hoặc buộc phải nghỉ giãn việc, nghỉ luân phiên, chiếm 7,6% và 13,7 triệu lao động bị giảm thu nhập, chiếm 18,3%.

Sang quý III/2022, thị trường lao động chứng kiến sự tăng trưởng về quy mô của lao động có việc làm ở cả sáu vùng kinh tế - xã hội. Số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 50,8 triệu người, tăng 255,2 nghìn người so với quý trước và tăng 3,5 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Thị trường lao động đã phục hồi, số người có việc làm tăng mạnh và đạt quy mô cao hơn so với cùng kỳ năm 2019 (trước khi đại dịch Covid-19 xuất hiện) [2].

2.1.3. Thị trường lao động dần phục hồi

Sự phục hồi của thị trường lao động diễn ra ở tất cả

các vùng kinh tế - xã hội, điều này có thể thấy qua sự tăng trở lại của lao động có việc làm trong độ tuổi lao động ở các vùng, đặc biệt ở hai vùng còn nhiều khó khăn là Trung du miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Quý III/2022, số người có việc làm trong độ tuổi lao động ở hai vùng này lần lượt là 5,4 triệu người và 3,2 triệu người, tăng 461,0 nghìn người và 149,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước và cao hơn thời điểm trước đại dịch Covid-19 xuất hiện (năm 2019) là 276,5 nghìn người và 232,7 nghìn người [2].

Ba vùng kinh tế - xã hội chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch Covid-19 trong quý III/2021 là Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung đã ghi nhận sự phục hồi mạnh trong quý III/2022. Số người có việc làm trong độ tuổi lao động của vùng Đông Nam Bộ trong quý III năm 2022 đạt 9,7 triệu người, tăng 1,6 triệu người (tương ứng tăng 19,5%) so với cùng kỳ năm trước và đã vượt quy mô lao động của cùng kỳ năm 2019 là 61,7 nghìn người (tương ứng tăng 0,6%). Vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung mặc dù quy mô lao động chưa đạt được về mức như trước khi có dịch Covid-19, nhưng vẫn ghi nhận mức tăng khá cao so với cùng kỳ năm 2021 [2].

2.1.4. Các doanh nghiệp tăng cường chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp 4.0 trong doanh nghiệp sau đại dịch Covid-19, dẫn đến yêu cầu nâng cao trình độ của người lao động

Khủng hoảng Covid-19 đã thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện những biện pháp công nghệ, chuyển đổi số để có thể ứng phó, duy trì tài sản hữu hình và vô hình của mình. Các doanh nghiệp bắt đầu áp dụng hình thức làm việc tại nhà, họp hành và giao việc đều chuyển đổi sang online.

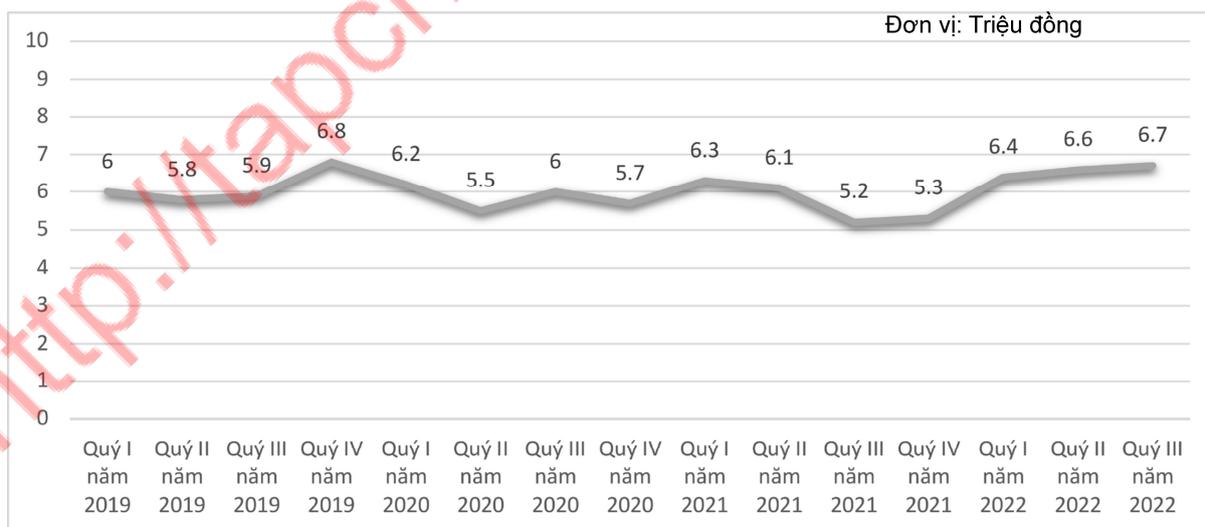
Theo đánh giá của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, Covid-19 đã thúc đẩy nhận thức chuyển đổi số của ngành này nhanh hơn từ 3 - 5 năm, tạo bước nhảy vọt cho thanh toán số. Thống kê mới nhất của Ngân hàng Nhà nước cho thấy, số lượng và giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đều tăng trưởng mạnh trong đại dịch, đặc biệt là số lượng và giá trị giao dịch qua kênh điện thoại di động tăng mạnh. Theo một khảo sát của Viện Phát triển doanh nghiệp, trước dịch Covid-19, hơn 50% doanh nghiệp ứng dụng các công nghệ số. Từ khi xảy ra dịch Covid-19, thêm hơn 25% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số [3].

Tuy nhiên, để doanh nghiệp chuyển đổi số thành công, yếu tố quan trọng nhất vẫn chính là con người. Bên cạnh phát triển hạ tầng hệ thống công nghệ thông tin, công nghệ số, doanh nghiệp cũng cần đào tạo người lao động trong việc nắm bắt, sử dụng công nghệ.

2.2. Thực trạng thu nhập của người lao động sau đại dịch Covid-19

2.2.1. Thu nhập bình quân của người lao động đã có dấu hiệu phục hồi và tăng lên

Thu nhập bình quân của người lao động quý III năm 2022 tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của NLĐ là 6,7 triệu đồng, tăng 143 nghìn đồng so với quý trước và tăng 1,6 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam là 7,7 triệu đồng, tăng 182 nghìn đồng so với quý trước và tăng 1,7 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước; thu nhập bình quân tháng của lao động nữ là 5,7 triệu đồng, tăng 88 nghìn đồng so với quý trước và tăng 1,4 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước [2].



Hình 2. Thu nhập bình quân tháng của lao động từng quý giai đoạn 2019-2022

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Sự phục hồi và phát triển của nền kinh tế đã giúp thu nhập bình quân của người lao động liên tục tăng từ quý I đến quý III năm 2022, trái ngược với xu thế thường

thấy trước đây. Trong các năm trước, thu nhập bình quân của NLĐ ở quý II thường giảm so với quý I do khoản thưởng Tết Nguyên đán, chi trả lương tháng 13

được thực hiện vào quý I. Trong năm 2022, thu nhập của người lao động trong quý I vẫn chịu nhiều tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 nên mức tăng quý này chưa cao như mọi năm. Mặc dù so với thu nhập quý IV năm 2019 - trước khi xảy ra đại dịch thì thu nhập của quý III năm 2022 vẫn thấp hơn chút, nhưng sự phục hồi của nền kinh tế trong quý II và đặc biệt là quý III năm 2022 đã làm thu nhập bình quân của người lao động trong 2 quý này tiếp tục gia tăng, góp phần ổn định an sinh xã hội, đảm bảo chất lượng cuộc sống cho NLĐ (Hình 2) [2].

2.2.2. Thu nhập bình quân ở các vùng kinh tế và các khu vực kinh tế trong cả nước đều tăng

Quý III/2022, thu nhập trung bình của lao động ở các vùng kinh tế trong cả nước đều tăng so với cùng kỳ

các năm trước đó, tuy nhiên giữa các vùng có sự tăng trưởng không đều nhau.

Vùng Đông Nam Bộ có tốc độ tăng trưởng về thu nhập mạnh nhất so với các vùng còn lại. Thu nhập bình quân của NLĐ vùng này là 8,6 triệu đồng, tăng gần 3 triệu đồng (tăng 53,0%) so với cùng kỳ năm 2020 và cao hơn mức thu nhập của cùng kỳ năm 2019 là 640 nghìn đồng (cao hơn 8,0%).

Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung tiếp tục là hai vùng có đà tăng trưởng ổn định về thu nhập bình quân của NLĐ, tại vùng Đồng bằng sông Hồng là 7,9 triệu đồng, tăng 2,9% so với quý trước (tăng 221 nghìn đồng); vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung là 6,0 triệu đồng, tăng 3,1% so với quý trước (tăng 181 nghìn đồng) (Hình 3) [2].



Hình 3. Thu nhập bình quân tháng của NLĐ theo vùng kinh tế - xã hội, quý III giai đoạn 2019 - 2022

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Thu nhập trung bình của lao động trong các nhóm ngành kinh tế cũng tăng.

Thu nhập bình quân của NLĐ trong các nhóm ngành của quý III/2022 đều tăng so với cùng kỳ các năm về trước, kể cả so với quý III năm 2019. Lao động làm việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng có tốc độ tăng thu nhập cao nhất. So với cùng kỳ năm 2021, thu nhập bình quân tháng của NLĐ làm việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng là 7,7 triệu đồng, tăng 31,9%, tăng tương ứng khoảng 1,9 triệu đồng; lao động làm việc trong ngành dịch vụ có thu nhập bình quân khoảng 8,0 triệu đồng, tăng 29,4%, tương ứng tăng khoảng 1,8 triệu đồng. Lao động làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có thu nhập bình quân là 3,9 triệu đồng, tăng 16,6%, tương ứng tăng khoảng 558 nghìn đồng [2].

Nhiều ngành kinh tế mũi nhọn đã phục hồi mạnh mẽ và tiếp tục tăng trưởng, thu hút nhiều lao động, tạo ra nhiều việc làm, góp phần quan trọng nhằm cải thiện đời sống của NLĐ. Quý III/2022, thu nhập bình quân của NLĐ tăng cao trong nhiều ngành kinh tế, như: Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống là 6,5 triệu đồng, tăng 46,3% (khoảng 2 triệu đồng) so với cùng kỳ năm

trước và tăng 11,2% (khoảng 650 nghìn đồng) so với cùng kỳ năm 2019; ngành vận tải kho bãi là 9,4 triệu đồng, tăng 45% (khoảng 2,9 triệu đồng) so với quý trước và tăng 12,9%, tương ứng tăng khoảng 1,1 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2019; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là 7,5 triệu đồng, tăng 32,8% (khoảng 1,9 triệu đồng) so với cùng kỳ năm trước và tăng 14,9% (khoảng 980 nghìn đồng) so với cùng kỳ năm 2019 [2].

3. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ CỦA THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM SAU ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Tình trạng thiếu việc làm vẫn chưa trở về bằng thời điểm cùng kỳ trước khi dịch Covid-19 xuất hiện

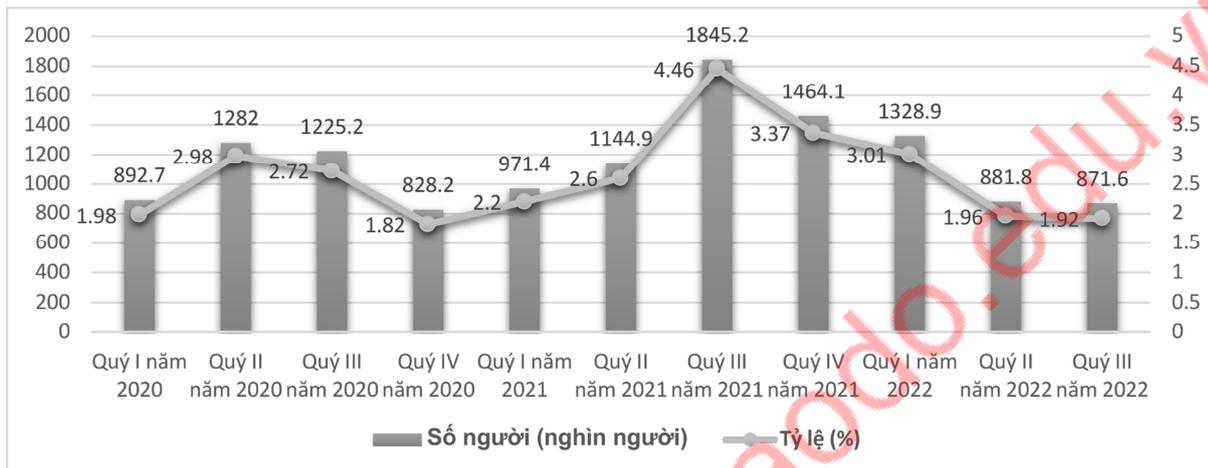
Theo Báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tính đến ngày 22/9/2022 gói hỗ trợ theo Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngày 31/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ, Chương trình đã giải ngân khoảng 3.539 tỷ đồng hỗ trợ cho hơn 5 triệu

NLĐ tại 120.295 doanh nghiệp, hỗ trợ 3.055 tỷ đồng, cho 4,7 triệu NLĐ đang làm việc trong 91.892 doanh nghiệp; hỗ trợ hơn 484 tỷ đồng cho 422.687 NLĐ quay trở lại thị trường lao động tại 28.403 doanh nghiệp [2].

Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều NLĐ không nhận được hỗ trợ. Số lao động thiếu việc làm quý III/2022 vẫn cao hơn so với cùng kỳ năm 2019, cụ thể, số người thiếu việc làm trong độ tuổi quý III/2022 là khoảng 871,6 nghìn người, giảm 10,1 nghìn người so với quý trước

và giảm 993,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước, nhưng tăng so với quý IV/2019 là 43,4 nghìn người [2].

Mặc dù, tỷ lệ thiếu việc làm quý III/2022 vẫn còn cao hơn đôi chút so với cùng kỳ năm 2019 (1,92% so với 1,32%), nhưng so với năm 2021, tỷ lệ này đã được cải thiện rất nhiều. Thị trường lao động đã phục hồi và đang trở lại trạng thái ổn định và phát triển như trước khi chịu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 (Hình 4) [2].



Hình 4. Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động theo quý, giai đoạn 2020-2022

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Tỷ lệ thiếu việc làm giữa các vùng kinh tế và các khu vực kinh tế không đồng đều.

Trong quý III/2022, tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi cao nhất thuộc về vùng đồng bằng sông Cửu Long (3,63%) và thấp nhất thuộc về vùng Đồng bằng sông Hồng (0,49%). So với cùng kỳ năm 2021, tỷ lệ này đều giảm ở cả 6 vùng kinh tế - xã hội, giảm nhiều nhất thuộc về vùng Đông Nam Bộ và giảm ít nhất thuộc về Trung du và miền núi phía Bắc.

Trong ba khu vực kinh tế, lao động thiếu việc làm trong độ tuổi quý III/2022 ở khu vực công nghiệp và xây dựng giảm nhiều nhất. Trong tổng số 871,6 nghìn người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động thì khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có tỷ trọng thiếu việc làm cao nhất trong quý này với 49,0% (tương đương với 426,7 nghìn người thiếu việc làm); tiếp theo là khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 29,5% (khoảng 256,8 nghìn người); khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng thấp nhất với 21,6% (khoảng 188,2 nghìn người) [2].

Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động không có trình độ chuyên môn còn cao.

Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi quý III/2022 của lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật là 2,21%; sơ cấp là 1,95%; trung cấp là 1,41%; cao đẳng là 1,11%; từ đại học trở lên là 0,66%. Như vậy, tỷ lệ thiếu việc làm thay đổi đáng kể theo trình độ học vấn và đào tạo, học vấn càng cao thì tỷ lệ thiếu việc làm càng thấp, đối với bậc từ đại học trở lên chỉ dưới 0,7% [2].

Nguyên nhân thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là do tác động của đại dịch Covid-19 làm thay đổi hoàn cảnh, thay đổi công nghệ và thay đổi cách thức làm việc. NLĐ tạm thời chưa thích nghi được với phương thức làm việc mới. Hơn nữa, Covid-19 cũng làm thay đổi cung - cầu về hàng hóa trên thị trường, doanh nghiệp chưa tìm được đầu ra cho sản phẩm, nên sản xuất kinh doanh còn cầm chừng, nhu cầu sử dụng lao động vẫn giảm sút.

3.2. Thiếu hụt lao động cục bộ ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước

Báo cáo nhanh từ các địa phương cho biết thực tế có nhiều doanh nghiệp đang phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động cục bộ. Tính chung trên phạm vi cả nước, trong quý III/2022, số lao động mà doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng nhưng không tuyển dụng được hoặc tuyển dụng nhưng không đạt yêu cầu là khoảng 511 nghìn người. Trong đó, số lao động phổ thông bị thiếu hụt cục bộ là 372 nghìn người, chiếm 72,8%; lao động có tay nghề là 139 nghìn người, chiếm 27,2% [2].

Sự thiếu hụt lao động cục bộ xảy ra nhiều nhất ở các doanh nghiệp ngành dệt may (thiếu khoảng 123 nghìn lao động); doanh nghiệp ngành da giày (thiếu khoảng 56,2 nghìn lao động); doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính (thiếu khoảng 41,0 nghìn lao động); còn lại là các doanh nghiệp khác [2].

Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là hai địa phương bị thiếu hụt lao động cục bộ nhiều nhất. Hiện các doanh

nghiệp ở 2 thành phố này đang cần tuyển thêm 89,6 nghìn lao động, trong đó có 41,1 nghìn lao động phổ thông và 48,5 nghìn lao động có tay nghề [2].

Nguyên nhân của việc thiếu hụt lao động cục bộ là do trong thời gian phòng chống dịch, giãn cách xã hội nhiều lao động bị thất nghiệp, nên đã di chuyển từ các thành phố lớn về quê hoặc đến địa phương khác. Hơn nữa, việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch khiến việc di chuyển giữa các vùng trở nên khó khăn hơn, gia tăng sự mất cân đối cung - cầu lao động cục bộ, gây ra áp lực về giải quyết việc làm cho người lao động. Điều này dẫn đến các thành phố lớn bị thiếu hụt lao động, trong khi đó một bộ phận người lao động lại không có việc làm.

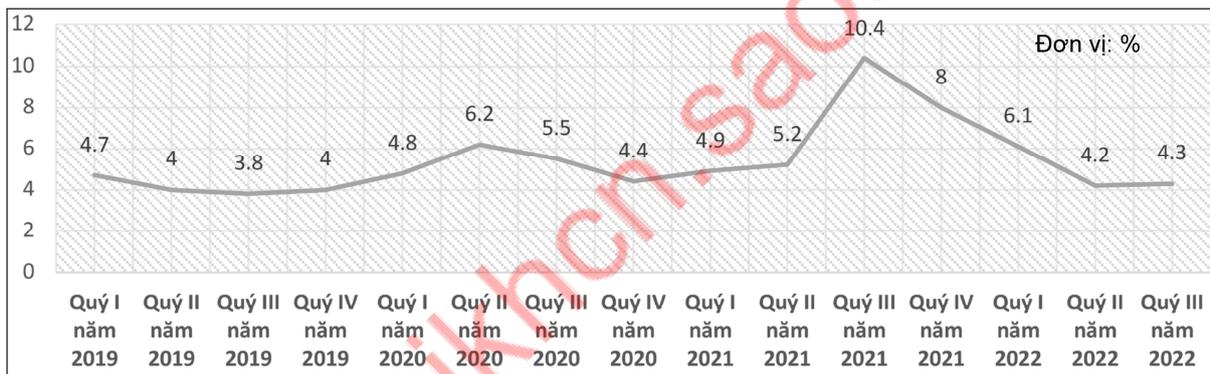
3.3. Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng và số lượng lao động tự sản tự tiêu còn cao

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng là chỉ tiêu tổng hợp cho biết mức độ “lệch pha” giữa cung và cầu lao động trên thị trường; phản ánh tình trạng dư cung về lao động. Trong điều kiện kinh tế phát triển bình

thường, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng luôn tồn tại. Tỷ lệ này thường tăng cao khi thị trường chịu các cú sốc về kinh tế - xã hội.

Những năm trước khi có dịch, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng của Việt Nam thường dao động ở mức 4%. Tỷ lệ này tăng rất nhanh từ thời điểm quý I năm 2020 và đạt mức cao kỷ lục là 10,4% vào quý III năm 2021. Khi các hoạt động kinh tế - xã hội được khôi phục gần như hoàn toàn, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng giảm nhanh từ 10,4% xuống còn 4,3% vào quý III năm 2022 (Hình 5).

Nguyên nhân tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng còn cao vì sau dịch Covid-19, thị trường lao động có sự đứt gãy, NLD di chuyển để phòng chống dịch tạm thời chưa quay lại nơi có nhu cầu về lao động để làm việc được nên họ tìm các công việc làm tạm tại nơi cư trú, dẫn đến có nơi cung lao động lớn hơn cầu lao động. Về phía các doanh nghiệp ở những vùng này, sau đại dịch việc sản xuất kinh doanh chưa ổn định, họ không sử dụng hết lao động dồi dào, nên cho lao động nghỉ việc luân phiên và hoạt động sản xuất cầm chừng.



Hình 5. Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng theo quý, giai đoạn 2019-2022

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Số lao động làm công việc tự sản tự tiêu quý III/2022 là 4,3 triệu người, giảm nhẹ so với quý trước (giảm gần 60 nghìn người) và giảm mạnh gần 1 triệu người so với cùng kỳ năm 2021, số lao động này chủ yếu ở khu vực nông thôn. Gần hai phần ba số người sản xuất sản phẩm tự sản tự tiêu quý III/2022 là nữ giới (chiếm 63,9%). Trong tổng số 4,3 triệu người là lao động sản xuất tự sản tự tiêu, có khoảng gần 2,2 triệu người đang trong độ tuổi lao động (chiếm 52,2%). Lao động tự sản tự tiêu chủ yếu thuộc độ tuổi từ 55 trở lên (chiếm 53,0%). Số liệu thống kê cũng cho thấy, trong số 4,3 triệu lao động tự sản tự tiêu, chỉ còn khoảng 143 nghìn người cho biết họ hiện tại vẫn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (chiếm 3,3%) [2].

Nguyên nhân của thực trạng này vì sau đại dịch, nền kinh tế còn chưa thực sự phục hồi, nên các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng lao động chưa cao, hơn nữa lao động từ các thành phố lớn trở về nông thôn đông, họ sẽ thay thế những lao động lớn tuổi làm trong các nhà máy. Vì vậy, những lao động lớn tuổi, khả năng lao động kém đã trở lại làm công việc tự sản tự tiêu.

4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO THU NHẬP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

Sau đại dịch Covid-19, nhiều quốc gia chưa hồi phục kinh tế, mà nguyên nhân chủ yếu do lực lượng lao động chưa thể quay lại làm việc đầy đủ, dẫn tới sự đình trệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Việt Nam cần nhanh chóng thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động, nâng cao thu nhập cho NLD, từ đó ổn định an sinh xã hội. Dưới đây, là một số đề xuất nhằm nâng cao thu nhập cho NLD, sớm ổn định cuộc sống của nhân dân:

Thứ nhất, tiếp tục hỗ trợ trực tiếp NLD và chủ doanh nghiệp bằng nhiều hình thức cụ thể, thiết thực hơn

Nhà nước cần chỉ đạo các ngành, các cấp nâng cao hiệu quả hoạt động vay vốn, giải quyết việc làm từ ngân sách, triển khai có hiệu quả, có chất lượng tín dụng ưu đãi trên địa bàn, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho NLD nhằm bảo đảm đời sống của người dân và

duy trì sản xuất ổn định. Đa dạng hóa các gói dịch vụ an sinh xã hội cung cấp cho NLD về hình thức và mức đóng góp. Đơn giản hóa thủ tục hành chính và xây dựng cơ chế hỗ trợ hành chính và pháp lý cần thiết cho NLD tham gia các chương trình an sinh tự nguyện. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và tăng cường chế tài xử lý đối với những hành vi vi phạm các quy định hiện hành, đặc biệt về ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội và các chế độ an sinh xã hội khác cho NLD.

Các tổ chức công đoàn, hội nghề nghiệp cần phát huy hơn nữa vai trò của mình để phát triển thành viên nhằm kết nối, chia sẻ, trao đổi thông tin giữa NLD làm việc trong cùng lĩnh vực, từ đó nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ quyền lợi của số lao động phi chính thức cũng như góp phần thực hiện tốt hơn các chính sách phát triển nguồn nhân lực, góp phần đảm bảo lợi ích cho NLD ổn định, lâu dài.

Thứ hai, đào tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Trong điều kiện bị xáo trộn lớn về cơ cấu lao động sau đại dịch Covid-19, cần tái cấu trúc lại lao động trên phạm vi tổng thể quốc gia. Những sự lựa chọn việc làm “bất đắc dĩ” sau khi lao động của nhiều ngành bị suy giảm mạnh, kéo dài, dẫn đến thiếu hụt nguồn nhân lực sau đại dịch đã từng bước được khắc phục. Đây là cơ hội để điều chỉnh và phân bổ lại lực lượng giữa các vùng và ngành kinh tế, góp phần nâng cao năng suất, thúc đẩy chuyển đổi kinh tế số, kinh tế xanh. Theo đó, đòi hỏi phải đẩy nhanh việc xây dựng các chương trình đào tạo, nhằm đáp ứng và phù hợp với tính chất đặc thù của từng đối tượng, cho các khu vực địa lý, dân số, lao động đặc thù. Đây cũng là cơ hội, đồng thời là điều kiện tốt để doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động tham gia nhiều hơn vào quá trình giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, để chương trình, nội dung đào tạo gắn với thực tiễn, đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động.

Để khôi phục và phát triển sản xuất kinh doanh và tạo việc làm cho NLD thì phải đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng nghề cho lao động để tăng năng suất lao động và thích ứng với những thay đổi của thị trường lao động do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19. Đặc biệt là các doanh nghiệp có xu hướng thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất kinh doanh, cần đào tạo cho người lao động nắm bắt và sử dụng công nghệ mới một cách bài bản, có kế hoạch bố trí sử dụng lao động hợp lý.

Thứ ba, hỗ trợ kết nối cung - cầu lao động trên phạm vi cả nước

Hoạt động hỗ trợ kết nối cung cầu lao động không chỉ là việc làm quan trọng, thường xuyên, có hiệu quả thiết thực trong điều kiện phát triển thị trường lao động, mà còn để giải quyết những điểm nghẽn về lao động sau đại dịch Covid-19 do những biến động khách quan về

dịch chuyển nghề nghiệp. Phải chủ động nguồn cung lao động, các địa phương có nhu cầu lớn về lao động, có nhiều khu công nghiệp tập trung cần liên hệ và phối hợp với các địa phương khác có nguồn cung lao động dồi dào để tổ chức kết nối cung - cầu lao động cho hiệu quả.

Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án hỗ trợ tạo việc làm, tham gia thị trường lao động cho các nhóm lao động đặc thù (người khuyết tật, lao động khu vực nông thôn, lao động phi chính thức, lao động nữ, học sinh, sinh viên mới tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng,...).

Tiếp tục phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động làm cơ sở cho việc kết nối cung - cầu lao động. Chú trọng việc tổ chức thu thập, cập nhật, lưu trữ, tổng hợp dữ liệu về thông tin về thị trường lao động phục vụ xây dựng chính sách, quản trị thị trường lao động trên cơ sở tối ưu hóa việc kết nối, chia sẻ với dữ liệu đã có, nhất là dự báo cung - cầu lao động để phân tích, dự báo thị trường lao động theo vùng miền, theo từng lĩnh vực, ngành nghề.

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát huy hơn nữa vai trò của công nghệ thông tin trong việc phổ biến, thông tin thị trường lao động đến mọi tổ chức, cá nhân bằng nhiều hình thức để mọi người có thể chủ động khai thác, cập nhật thông tin; phổ biến thông qua các phiên giao dịch việc làm, hội nghị định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên...

Quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở dịch vụ việc làm để làm căn cứ quản lý, điều chỉnh mạng lưới, phát triển các cơ sở phù hợp với sự phát triển của thị trường lao động của từng vùng, từng tỉnh, thực hiện các sản phẩm phân tích dự báo của vùng và kết nối các vùng với nhau.

Thứ tư, phát triển thị trường lao động, từng bước hoàn thiện thể chế thị trường lao động

Tăng cường hệ thống các công cụ điều tiết thị trường lao động bằng cách hoàn thiện pháp luật bảo vệ người lao động, như: Về việc làm, dịch chuyển lao động, đóng và hưởng bảo hiểm xã hội, tăng cường công tác giáo dục pháp luật...; Áp dụng mạnh mẽ các công cụ kinh tế thay cho biện pháp hành chính trong điều chỉnh quan hệ giữa người sử dụng lao động với NLD.

Phát triển và thực thi có hiệu quả các chính sách phát triển thị trường lao động, như: Hệ thống dịch vụ giới thiệu việc làm; Hoàn thiện chính sách đào tạo và đào tạo lại cho NLD; Nghiên cứu và phổ biến các hệ thống chứng nhận nghề, kỹ năng theo tiêu chuẩn quốc tế để hỗ trợ NLD tham gia các thị trường lao động trong vùng, thị trường các nước trong khu vực và quốc tế; Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển các thị trường lao động đặc thù, nhất là phát triển thị trường lao động khu vực nông thôn, thị trường lao động trình độ cao; Hoàn thiện tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý Nhà

nước về việc làm và thị trường lao động theo hướng quản lý thống nhất, rõ ràng chức năng nhiệm vụ; Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về pháp luật lao động, về trách nhiệm, lợi ích của các đối tác xã hội trong nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng suất và tính cạnh tranh của nền kinh tế; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và tăng cường chế tài xử lý đối với những hành vi vi phạm các quy định hiện hành về lao động, đặc biệt về ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội và các chế độ an sinh xã hội khác cho NLĐ.

5. KẾT LUẬN

Đại dịch COVID-19 đã tác động nghiêm trọng đến thị trường lao động Việt Nam, tình trạng mất việc làm và mất thu nhập tăng lên. Do đó, việc triển khai các chính sách, giải pháp hỗ trợ phục hồi, ổn định thị trường lao động, nâng cao thu nhập cho NLĐ sau đại dịch COVID-19 có ý nghĩa rất quan trọng, thể hiện tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân của Đảng và Chính phủ, đặc biệt trong hoàn cảnh khó khăn, góp phần phục hồi sản xuất kinh doanh, bảo đảm đời sống ổn định cho người dân. Bài viết đã nghiên cứu thực trạng thu nhập của NLĐ sau đại dịch Covid-19 trên cơ sở phân tích các số liệu thống kê thứ cấp, chỉ ra những hạn chế của thị trường lao động Việt Nam hiện nay, từ đó đưa ra một số giải pháp giúp nâng cao thu nhập cho NLĐ.

AUTHOR INFORMATION

Nguyen Thi Thuy

Corresponding Author: nguyenthuy1216@gmail.com

Sao Do University.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Tổ chức Lao động Quốc tế (2020), *Đánh giá nhanh tác động của đại dịch Covid-19 tới doanh nghiệp và người lao động trong một số ngành kinh tế chính: Ứng phó, điều chỉnh và khả năng phục hồi*, Ấn phẩm ngày 13/10/2020, trang 07.
- [2]. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/10/bao-cao-su-phuc-hoi-cua-thi-truong-lao-dong-viec-lam-sau-dai-dich-covid-19-quy-iii-2022/>, ngày cập nhật 06/10/2022.
- [3]. https://special.nhandan.vn/doanhnghiepchuyendoiso_covid19/
- [4]. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/10/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-va-9-thang-nam-2021/>, ngày cập nhật 12/10/2021.
- [5]. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/03/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-i-nam-2020/>, ngày 27/3/2020.
- [6]. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/04/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-i-nam-2022/>, ngày 12/4/2022.

THỂ LỆ GỬI BÀI

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (P. ISSN 1859-4190, E. ISSN 2815-553X), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về tòa soạn dưới dạng file điện tử (*.doc *.docx và *.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phản biện thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do tòa soạn mời. Tòa soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03÷05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 × 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10, giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2.5cm, dưới 2.5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng Mathtype hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
 - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
 - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.
 - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngày cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper
Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ.

Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, Số 1 (80) 2023



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 1 (80)
2023

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.